TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Doãn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường

2. Bà Tô Thị Bảo Ánh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đục là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông *tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc *" Ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con "*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Giữa :

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Phú T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Trần Mỹ T, sinh năm 1981.

HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn anh Nguyễn Phú T vắng mặt tại phiên toà có lý do (có đơn xin vắng mặt). Bị đơn chị Trần Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Tam Nông, nguyên đơn anh Nguyễn Phú T trình bày :

1. Về hôn nhân:

Qua một thời gian tìm hiểu và được sự thống nhất của hai bên gia đình nên tôi và Trần Mỹ T kết hôn với nhau vào năm 2008, chúng tôi có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 02/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới chúng tôi sống rất hạnh phúc, đến năm 2013 thì luôn có mâu thuẫn và chúng tôi đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm nên lúc nào cũng có mâu thuẫn với nhau. Trong thời gian sống ly thân chúng không gặp nhau nên không bàn tính việc hàn gắn lại với nhau được, hai bên gia đình cũng không giải quyết gì cho chúng tôi. Hôm nay tôi thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

2. Về con chung:

Anh T khai: Trong thời gian sống chung, chúng tôi có với nhau một đứa con tên Nguyễn Phú T, sinh năm 2008. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao cho vợ tôi được tiếp tục nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

3. Về tài sản chung: Anh T khai: Chúng tôi không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Anh T khai: Chúng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ chúng tôi.

Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Mỹ T (Ông Trần Văn L là Ba ruột và là người chung hộ khẩu với chị T) nhận thay như: Thông báo thụ lý số: 333/TB-TLVA ngày 03/10/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 88/TB-TA ngày 07/10/2023; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ số 13/TB-TA ngày 17/10/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 99/TB-TA ngày 17/10/2023; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải số: 14/TB-TA ngày 31/10/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông nhưng chị trần Mỹ T không có ý kiến trình bày của mình và cũng không đến Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là hoàn tàon phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS. Bị đơn không tham dự phiên toà là thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến phiên

toà nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Phú Trung về việc ly hôn với chị Trần Mỹ T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phú T, sinh ngày 16/8/2008 cho chị Trần Mỹ T tiếp tục trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phú T không cấp dưỡng do chị Trần Mỹ T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Phú T yêu cầu ly hôn với chị Trần Mỹ T, địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- *Về xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn anh Nguyễn Phú T vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin vắng mặt). Bị đơn chị Trần Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*:

Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Phú T và chị Trần Mỹ T là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau, anh chị tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi cưới anh chị sống rất hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp luôn bất đồng quan điểm nên lúc nào cũng có mâu thuẫn với nhau. Hôm nay anh T yêu cầu ly hôn với chị T do tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu của anh T là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì: trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp nhau nên không tự hàn gắn lại với nhau được, hai bên gia đình cũng không giải quyết gì cho hai người. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Mỹ T nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T. Từ những căn cứ trên, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Phú T đối với chị Trần Mỹ T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*:

Anh T khai: Trong thời gian sống chung anh chị đã có với nhau một đứa con tên Nguyễn Phú T, sinh năm 2008, tại buổi hoà giải ngày 31/10/2023 anh T đồng ý giao cháu T cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong thời

gian anh chị sống ly thân và hiện nay cháu T sống với chị T, cuộc sống vẫn đảm bảo về tinh thần và vật chất. Hơn nửa cháu T có nguyện vọng được sống với Mẹ sau khi Ba Mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Phú T cho chị Trần Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại buổi hoà giải anh T không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, chị T không ý kiến hay yêu cầu về việc này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Phú T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Phú T đối với chị Trần Mỹ T.

Cho anh Nguyễn Phú T ly hôn với chị Trần Mỹ T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú T, sinh ngày 16/8/2008 cho chị Trần Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng (Hiện cháu sống với chị T). Anh Nguyễn Phú T không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng (Do chị T không yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Cha, Mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Phú T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001369, quyển số 0000028 ngày 03/10/ 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh,
- VKSND huyện,
- Chi cục THA dân sư huyện,
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre,
- Đương sự,
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

Các Hội Thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Kim Doãn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn

Nơi nhận
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Chi cục THA dân sư huyệnï.
- Đương sự.
- Lưu HS DS.